

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HS - ST

Ngày: 26 - 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dương và bà Hoàng Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Tiến T, sinh năm 1994 tại phường Bến Tắm, thị xã Chí Linh.

Nơi cư trú: Khu dân cư CB, phường BT, thị xã C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Th; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-XPHC ngày 24/4/2014 của Công an phường Sao Đỏ, thị xã Chí Linh, bị cáo chấp hành xong quyết định ngày 29/4/2014; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 12/7/2001.

Người đại diện cho anh Nguyễn Văn H: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1974 và bà Nghiêem Thị L, sinh năm 1976 (là bố mẹ đẻ anh H).

Đều cư trú: Khu dân cư TM, phường BT, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

Đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Những người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Khu dân cư ĐC, phường HT, thị xã C, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Số nhà 66, khu dân cư NT II, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng gần 23 giờ 30 ngày 27/5/2017, Nguyễn Văn H, sinh ngày 12/7/2001 trèo vào nhà anh Trần Ngọc Th thuộc khu dân cư số 3, phường BT, thị xã C, tỉnh Hải Dương lén lút chiếm đoạt của ông Th và chị Trần Thị L là con dâu ông Th 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5, vỏ màu trắng, bên trong lắp thẻ Sim có số thuê bao 0975657090 và 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S7 edge, vỏ màu vàng, bên trong lắp thẻ Sim có số thuê bao 0964190911.

Bản kết luận định giá tài sản số 143a ngày 21/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản UBND thị xã C kết luận tại thời điểm ngày 28/5/2017:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, vỏ màu trắng trị giá 2.000.000 đồng.

- Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S7 edge, màu vàng trị giá 8.500.000 đồng.

- Chi phí làm lại chiếc Sim điện thoại di động số 0975.657.090 và số 0964.190.911 là 25.000 đồng/1Sim.

Tổng trị giá tài sản mà H chiếm đoạt là 10.500.000 đồng.

Khoảng 5 giờ sáng ngày 28/5/2017, H dùng chiếc điện thoại Iphone 5 lấy được của ông Th gọi cho Trần Tiến T nói “*Em vừa lấy trộm được hai chiếc điện thoại, anh ra Trung đoàn 2 bộ đội đón em*”. T đồng ý và bảo H “*Đợi một tý anh ra đón*”. Khoảng 15 phút sau, T đi xe ô tô biển kiểm soát 34A- 008.41, loại xe SPARK (xe của ông Trần Văn Th là bố đẻ T) ra chỗ hẹn đón H, khi lên xe T hỏi H “*Mày lấy máy ở đâu*”, H trả lời “*Em trộm cắp ở quán ăn sáng gần đường tàu*”. H đưa hai chiếc điện thoại cho T rồi nói “*Chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy S7 bị khóa màn hình, chiếc điện thoại Iphone 5 có cài Icloud*”. T nói “*Để điện thoại ở tấp lô xe ô tô tý anh xem*”. Sau đó T chở H đi tìm chỗ bán hai chiếc điện thoại trên. Trên đường đi H tháo thẻ sim của hai chiếc điện thoại rút đi. T chở H đến khu vực ngã ba S thuộc phường S thì dừng xe lại. T lấy hai chiếc điện thoại H trộm cắp để xem, thấy chiếc điện thoại Iphone 5, màu trắng không khóa màn hình, có cài Icloud, chiếc điện thoại Samsung Galaxy khóa màn hình. H bảo T “*Chiếc điện thoại này em bù vào tiền xe*”, T đồng ý. T nói với H “*Chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy S7 có khóa màn hình*”, H bảo “*Bán được bao nhiêu tiền*”, T nói “*Anh không biết, cái này phải ra quán hỏi*”, H nói “*Anh đem đi bẻ khóa bán hộ em*”. T đồng ý và nói “*Phải đi đến HT thì mới bẻ khóa được*”. Sau đó T chở H đến quán điện AD Mobile ở xã HT để bẻ khóa nhưng không được nên cả hai lại đến cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Văn TM ở khu dân cư NT 2, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương. T đưa điện thoại cho anh TM để mở khóa (anh

TM không biết chiếc điện thoại là tài sản do trộm cắp mà có) còn T và H đi chơi. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, TM gọi điện thoại cho T thông báo đã mở được máy và hẹn T ra ngã ba lấy. Khi cả hai đi ra ngã ba S, H ngồi trên xe, T xuống xe gặp TM hỏi về chiếc điện thoại Samsung Galaxy S7. Tuấn nói chỉ mua được chiếc điện thoại này với giá 6.000.000đ trừ 600.000 đồng tiền bẻ khóa còn 5.400.000 đồng. T thấy rẻ quá nên không bán. T trả cho TM 600.000 đồng tiền bẻ khóa và cầm điện thoại lên xe. Khi lên xe, T nói dối H “*Máy này anh ấy chỉ mua xác máy giá 3.100.000 đồng, anh trả 600.000 đồng tiền bẻ khóa và trừ 300.000 đồng tiền nợ cũ, 200.000 đồng tiền phát sinh, 400.000 đồng em vay sử dụng cá nhân ở quán AD Mobile ở xã HT. Số tiền còn lại của em là 1.600.000 đồng*”. T lấy số tiền 1.600.000 đồng của mình đưa cho H rồi chờ H đến quán Internet ở phường HT, còn mình thì đi về nhà. Đến khoảng 16 giờ ngày 29/5/2017, T cầm chiếc điện thoại Samsung Galaxy S7 ra quán của anh Nguyễn Văn C tại số nhà 66, khu dân cư TH 2, phường S, thị xã C bán cho anh C với giá 6.800.000 đồng. Chiếc điện thoại này sau đó C bán cho anh Bùi Văn T trú tại thôn NM, xã HG, huyện HH, tỉnh Nam Định với giá 7.500.000 đồng. Chiếc điện thoại Iphone 5 sau đó T đã bán cho anh TM với giá 400.000 đồng, anh TM đã phá máy lấy linh kiện bán cho khách.

Tại bản cáo trạng số 35/CT -VKS - CL ngày 25/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương đã truy tố bị cáo Trần Tiến T về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Hành vi của chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại nêu trên của Nguyễn Văn H chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm vì tại thời điểm ngày 27/5/2017 H mới 15 tuổi 10 tháng 11 ngày. Trưởng công an thị xã Chí Linh đã ra quyết định xử lý hành chính đối với H.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Tiến T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết; về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu của bị cáo Trần Tiến T số tiền 5.600.000 đồng sung quỹ Nhà nước; truy thu của Nguyễn Văn H số tiền 1.600.000 đồng sung quỹ Nhà nước; về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của những làm chứng, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 05 giờ ngày 28/5/2017 sau khi được Nguyễn Văn H kể về việc H chiếm đoạt được 01 chiếc điện thoại động Iphone 5, màu trắng, trị giá 2.000.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S7 trị giá 8.500.000đ của ông Trần Ngọc Th và chị Trần Thị L ở khu dân cư số 3, phường BT, thị xã C tỉnh Hải Dương và H nhờ T đi tiêu thụ 02 chiếc điện thoại này. T biết rõ 02 chiếc điện thoại trên là tài sản do H trộm cắp mà có nhưng T vẫn đồng ý chở H đi tiêu thụ. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh đối với bị cáo là đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội và gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích tư lợi nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mà mình đã thực hiện.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã tự nguyện giao nộp số tiền 6.000.000 đồng do phạm tội mà có và thu lời bất chính; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bố đẻ bị cáo là bệnh binh hạng 2 được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhì và hạng Ba năm 1984, năm 1997 được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo phạm tội do cơ hội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy việc cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đảm bảo mục đích trừng trị, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt đồng thời cũng thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc điện thoại

Samsung Galaxy S7 trả lại cho chủ sở hữu là chị Trần Thị L. Anh Nguyễn Văn H cũng đã bồi thường cho ông Trần Ngọc Th giá trị chiếc điện thoại Iphone 5, chị L và ông Th không yêu cầu bồi thường gì về dân sự. Anh Bùi Văn T và anh Nguyễn Văn C là những người mua lại chiếc điện thoại Samsung Galaxy S7 không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, các anh cũng không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Bị cáo bán chiếc điện thoại Samsung Galaxy S7 được 6.800.000đ, bị cáo đã đưa cho Nguyễn Văn H 1.600.000đ, số tiền bị cáo còn lại 5.200.000đ; bị cáo bán chiếc điện thoại Iphone 5 được số tiền 400.000đ. Đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có và thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối trừ với số tiền 6.000.000đ bị cáo đã giao nộp tại cơ quan điều tra nên cần trả lại bị cáo 400.000đ. Đối với Nguyễn Văn H nhận được 1.600.000đ do bị cáo đưa, đây là khoản thu lợi bất chính nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn H là người chưa thành niên, không có tài sản, không có thu nhập do vậy bố mẹ đẻ của anh H là người đại diện theo pháp luật cho anh H phải thực hiện nghĩa vụ nộp thay anh H.

Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 34A- 008.41, loại xe SPARK mà bị cáo sử dụng làm phương tiện tiêu thụ 02 chiếc điện thoại nêu trên là tài sản thuộc sở hữu của ông Trần Văn Th là bố đẻ bị cáo giao cho bị cáo để chở khách. Ông Th không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe vào việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho ông Th nên không đặt ra xử lý.

[5] Hành vi của Nguyễn Văn H chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Tiến T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Tiến T 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trần Tiến T cho Ủy ban nhân dân phường Bến Tắm, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu của bị cáo Trần Tiến T số tiền 5.600.000 đồng sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 6.000.000 đồng hiện Kho bạc Nhà nước Chí Linh đang quản lý theo biên bản giao nhận tài sản ngày 18/4/2018 giữa Công an thị xã Chí Linh và Kho bạc Nhà nước Chí Linh. Trả lại bị cáo số tiền 400.000 đồng.

- Truy thu của anh Nguyễn Văn H số tiền 1.600.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Ông Nguyễn Văn C và bà Nghiêm Thị L là bố mẹ đẻ anh H phải có trách nhiệm nộp thay anh H khoản tiền này.

Về án phí: : Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Tiến T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Chí Linh;
- Công an thị xã Chí Linh;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hằng